



HAL
open science

Bảng phiên âm quốc tế. Bản tiếng Việt

Minh-Châu Nguyễn, Thị Thu Hà Phạm

► **To cite this version:**

Minh-Châu Nguyễn, Thị Thu Hà Phạm. Bảng phiên âm quốc tế. Bản tiếng Việt. 2020. halshs-02469549

HAL Id: halshs-02469549

<https://shs.hal.science/halshs-02469549>

Preprint submitted on 6 Feb 2020

HAL is a multi-disciplinary open access archive for the deposit and dissemination of scientific research documents, whether they are published or not. The documents may come from teaching and research institutions in France or abroad, or from public or private research centers.

L'archive ouverte pluridisciplinaire **HAL**, est destinée au dépôt et à la diffusion de documents scientifiques de niveau recherche, publiés ou non, émanant des établissements d'enseignement et de recherche français ou étrangers, des laboratoires publics ou privés.



Distributed under a Creative Commons Attribution - ShareAlike 4.0 International License

BẢNG PHIÊN ÂM QUỐC TẾ (cập nhật năm 2020)

PHỤ ÂM (CÓ LUỒNG HƠI TỪ PHỔI)

© 2020 IPA

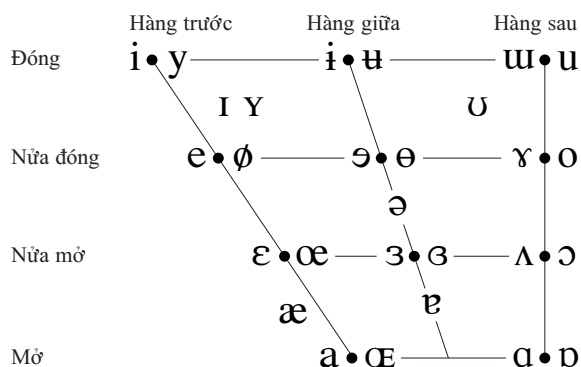
	Môi - môi	Môi - răng	Răng	Lợi	Sau lợi	Quặt lưỡi	Ngạc cứng	Ngạc mềm	Lưỡi con	Yết hầu	Thanh hầu
Tắc (miệng)	p b		t d			ʈ ɖ	c ɟ	k ɡ	q ɢ		ʔ
Mũi	m	ɱ	n			ɳ	ɲ	ɳ	ɴ		
Rung	ʙ		r						ʀ		
Vỗ		ʋ	ɾ			ɽ					
Xát	ɸ β	f v	θ ð	s z	ʃ ʒ	ʂ ʐ	ç ʝ	x ɣ	χ ʁ	ħ ʕ	h ɦ
Xát bên			ɬ ɮ								
Tiếp cận		ɹ	ɻ			ɺ	ʝ	ɥ			
Tiếp cận bên			ɭ			ɻ	ʎ	ʟ			

Trong mỗi ô, các kí hiệu bên phải tương ứng với âm hữu thanh, các kí hiệu bên trái tương ứng với âm vô thanh. Những chỗ bôi đậm biểu thị các cấu âm không thể phát âm được.

PHỤ ÂM (KHÔNG CÓ LUỒNG HƠI TỪ PHỔI)

Âm chất (âm click)	Âm hút vào hữu thanh	Âm phụ
○ Môi - môi	ɓ Môi - môi	‘ Các ví dụ:
Răng	ɗ Răng/lợi	p’ Môi - môi
! (Sau) Lợi	ɟ Ngạc cứng	t’ Răng/Lợi
≠ Lợi ngạc cứng	ɠ Ngạc mềm	k’ Ngạc mềm
Lợi bên	ɠ Lưỡi con	s’ Xát lợi

CÁC NGUYÊN ÂM



Khi các kí hiệu xuất theo cặp, kí hiệu bên phải tương ứng với một nguyên âm tròn môi.

CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- ʌ** Âm xát môi - ngạc mềm vô thanh
- ɠ** Âm xát lợi - ngạc cứng
- w** Âm tiếp cận môi - ngạc mềm hữu thanh
- ɻ** Âm vỗ lợi bên hữu thanh
- ɥ** Âm tiếp cận môi - ngạc cứng hữu thanh
- ɧ** Phát âm **ʃ** và **x** đồng thời
- ɦ** Âm xát nắp họng vô thanh
- Các âm xát và các cấu âm đôi có thể được thể hiện bằng 2 ký hiệu, và nếu cần thiết, được liên kết bằng một dấu nối.
- ɤ** Âm xát nắp họng hữu thanh
- ʎ** Âm tắc nắp họng

ts k̟

KÝ HIỆU PHI ĐOẠN TÍNH

- ˈ Trọng âm chính
 - ˌ Trọng âm phụ
 - ː Dài
 - ˑ Nửa dài
 - ˚ Ngắn
 - ː Nhóm ngữ điệu lớn
 - ˑ Nhóm ngữ điệu nhỏ
 - ː Ranh giới âm tiết
 - ˘ Liên (không đứt đoạn)
- ˌfounəˈtʃən**
eː
eˑ
ɛ̚
ˌi.ækt

CÁC DẤU PHỤ

◌ Vô thanh	̥ ̦	◌ Giọng thì thào	̤ ̧	◌ Âm răng	̪ ̫
◌ Hữu thanh	̨ ̩	◌ Giọng kẹt	̪ ̫	◌ Âm chóp lưỡi	̬ ̭
◌ Bất hơi	̥̚ ̦̚	◌ Lưỡi - môi	̬ ̭	◌ Âm đầu lưỡi	̮ ̯
◌ Tăng tròn môi	̜	◌ Môi hóa	̜̥̚ ̨̜̚	◌ Mũi hóa	̛
◌ Giảm tròn môi	̝	◌ Ngạc cứng hóa	̜̥̚ ̨̜̚	◌ Thoát hơi vào âm mũi	̣̚
◌ Đẩy ra	̟	◌ Ngạc mềm hóa	̜̥̚ ̨̜̚	◌ Thoát hơi vào âm bên	̣̚
◌ Rút về	̠	◌ Yết hầu hóa	̜̥̚ ̨̜̚	◌ Âm tắc cam	̣̚
◌ Trung tâm hóa	̡	◌ Ngạc mềm hóa hoặc yết hầu hóa	̜̥̚ ̨̜̚		
◌ Bán - Trung tâm hóa	̢	◌ Nâng cao	̣ (̣̥ = âm xát lợi hữu thanh)		
◌ Âm tiết tính	̣	◌ Hạ thấp	̣̥ (̣̥̥ = âm tiếp cận môi - môi hữu thanh)		
◌ Phi âm tiết tính	̤	◌ Góc lưỡi tiến	̣̥		
◌ Âm sắc R	̥̥ ̥̥̥	◌ Góc lưỡi lui	̣̥̥		

Nếu kí hiệu có móc dưới thì dấu phụ sẽ được đặt phía trên kí hiệu, ví dụ: **̥̥̥**

“BẢNG PHIÊN ÂM QUỐC TẾ IPA TIẾNG VIỆT”: MỘT SỐ GHI CHÚ

Nguyễn Thị Minh Châu Phạm Thị Thu Hà

với sự tham gia cố vấn của Marc Brunelle, James Kirby, và Alexis Michaud

Ủy ban *Alphabet, Charts và Fonts* của Hiệp hội ngữ âm quốc tế đang tiến hành một dự án thu thập và công bố các bảng IPA bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (với nội dung hoàn toàn giống như bản gốc bằng tiếng Anh). Một số bảng sơ thảo hiện đã được công bố tại địa chỉ dưới đây để tiếp nhận các bình luận, phê bình từ phía cộng đồng:

https://linguistics.ucla.edu/people/keating/IPA/IPA_charts_2018_trans.html

Sau thời gian tiếp nhận các ý kiến đóng góp, Ủy ban sẽ đề nghị Hội đồng IPA phê duyệt các bảng này để công bố chính thức trên Website của IPA.

Việc dịch các thuật ngữ sang tiếng Việt gặp rất nhiều khó khăn do một số thuật ngữ chưa hề được dịch sang Tiếng Việt trước đây, một số khác lại được một số dịch giả dịch theo các cách khác nhau. Mỗi một thuật ngữ được đề xuất trong bảng IPA phiên bản tiếng Việt này đều đã được cân nhắc và trao đổi kĩ càng trong nhóm thực hiện để đưa ra phương án hợp lý nhất, tuân thủ 3 tiêu chí như sau:

- Rõ và sát với nét nghĩa chính của thuật ngữ gốc,
- Ưu tiên các cách dịch đã phổ biến và lưu hành trong giới Việt ngữ học,
- Ngắn gọn, dễ hiểu và mang tính hệ thống.

Dưới đây là giải thích chi tiết cho cách dịch một số thuật ngữ mà chúng tôi thấy là cần được làm rõ hơn. Ngoài ra, chúng tôi cũng đối chiếu với cách dịch đã có trong “Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu” của Cao Xuân Hạo và Hoàng Dũng.

Chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến Alexis Michaud, Marc Brunelle, James Kirby, Tạ Thành Tấn, Nguyễn Thị Hạnh và Cao Thành Việt đã tích cực đóng góp ý kiến và hỗ trợ chúng tôi trong quá trình thực hiện bản dịch này.

Mọi ý kiến đóng góp và thắc mắc xin vui lòng gửi về địa chỉ email minhchau.ntm@gmail.com để góp phần hoàn thiện bảng IPA phiên bản tiếng Việt. Xin chân thành cảm ơn.

Thuật ngữ tiếng Anh	Cách dịch được đề xuất	Cách dịch của CXH-HD	Giải thích
Một số thuật ngữ về Phụ âm			
Palatal	Ngạc cứng	Ngạc	Cặp thuật ngữ “ngạc” và “mạc” đã được sử dụng trong giới Việt ngữ học. Tuy nhiên, để tránh sự nhầm lẫn giữa “ngạc” và “mạc” (đều chỉ vòm họng), chúng tôi sử dụng cặp thuật ngữ hiện ngôn hơn là “ngạc cứng” và “ngạc mềm”.
Velar	Ngạc mềm	Mạc/ngạc mềm	
Click	Chất	Mút	Chúng tôi thấy cách dịch “mút” không sát với thuật ngữ tiếng Anh là “click”. Vì vậy chúng tôi lựa chọn cách dịch “chất” (mang tính tượng thanh và gần với âm thanh của cách phát âm kiểu này).
Plosive	Tắc (miệng)	Tắc	Ở đây chúng tôi muốn làm rõ: “plosive” là âm “tắc miệng”, trong sự phân biệt với “stop” là “tắc” bao gồm cả âm tắc miệng và âm tắc mũi.

Thuật ngữ tiếng Anh	Cách dịch được đề xuất	Cách dịch của CXH-HD	Giải thích
Một số thuật ngữ về Dấu phụ			
Creaky voiced	Giọng kẹt	Giọng nghiêng	“Creaky voice” là khái niệm thuộc về chất giọng (voice quality) trong thể khu biệt với “modal voice” (giọng thường) và “breathy voice” (giọng thì thào). “Giọng nghiêng” theo cách dịch của Cao Xuân Hạo mặc dù phản ánh được sự co thắt trong cơ chế cấu âm nhưng dễ gây liên tưởng đến từ “nghiến răng”, và vì vậy có thể hiểu nhầm về vị trí cấu âm là ở răng.
Rhoticity	Âm sắc R		“Rhoticity” để chỉ một thuộc tính ngữ âm, ví dụ: nguyên âm mang âm sắc R, còn gọi là nguyên âm quặt lưỡi (retroflex vowel), chẳng hạn như nguyên âm ʀ [ʀ] trong tiếng Hán phổ thông.
Một số thuật ngữ về Thanh điệu và âm điệu từ			
Level	(1) Cấp độ (2) Thanh bằng	(1) Cấp độ/mức độ (2) Bằng, phẳng	Thuật ngữ “level” có thể hiểu theo 2 nghĩa: - Các “cấp độ” khác nhau của cao độ (pitch) - “Thanh bằng” (level tone), trong thể đối ứng với “thanh trắc” (contour tone). (“Contour tone” được CXH-HD dịch là: “thanh dùng điệu hình”).
Contour	(1) Đường nét, (2) Thanh trắc	Điệu hình	Tương tự như “level”, thuật ngữ “contour” có thể hiểu theo 2 nghĩa: - “đường nét” hay “điệu hình” - “thanh trắc” (contour tone) trong thể đối ứng với “thanh bằng” (level tone).
Extra high	Đỉnh		Ngưỡng phát âm của con người được chia làm năm cấp độ cơ bản, từ 1 đến 5. Lấy cấp độ giữa làm chuẩn, bên cạnh “cao” (high) - “trung” (mid) - “thấp” (thấp), chúng tôi dịch “đỉnh” và “đáy” thay vì <i>cao hơn</i> hay “siêu cao” (extra high) và “thấp hơn” hay “siêu thấp” (extra low). Cách dịch như vậy phản ánh cụ thể hơn về vị trí của các mức độ khác nhau của cao độ. Trong khi <i>đỉnh</i> chỉ rõ vị trí cao nhất của ngưỡng phát âm, <i>đáy</i> tương ứng nói về vị trí thấp nhất. Vì vậy, cách dịch này cũng phù hợp với kí hiệu tương ứng trong bảng IPA.
High	Cao	Cao	
Mid	Trung	Trung bình	
Low	Thấp	Thấp	
Extra low	Đáy		

Paris, tháng 8 năm 2019.